

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/DS-PT

Ngày 18-8-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Bà Bùi Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 165/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2021/QĐPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (sau đây viết tắt là TPBank); trụ sở: Số 57 phố TTK, phường THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Ngọc Ch, ông Nguyễn Xuân Tr, ông Nguyễn Thanh T; chức vụ: Chuyên viên Phòng xử lý nợ Miền Bắc - Khối pháp chế và Xử lý nợ - TPBank, là người đại diện theo ủy quyền “được ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 016/2017/GUQ-TPB.BĐH ngày 21 tháng 02 năm 2017”. Ông Ch, ông Tr, ông T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th; nơi cư trú: Số 11 MTT, phường ĐH, quận HA, Hải Phòng. Anh H có mặt; chị Th vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1; nơi cư trú: Tổ dân phố LK 3, phường TC, quận HA, thành phố Hải Phòng. Ông T1 và bà H1 đều vắng mặt.

+ Anh Trần Văn T2 và chị Trần Thị H2; nơi cư trú: Tổ dân phố LK 3, phường TC, quận HA, thành phố Hải Phòng. Anh T2 và chị H2 đều vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Đức H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 9 năm 2018, các bản tự khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của TPBank trình bày:

Ngày 25 tháng 11 năm 2009, anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01251109RB/HP-TPB/DH.09 vay vốn tại TPBank với số tiền 1.200.000.000 (*Một tỷ hai trăm triệu*) đồng; mục đích vay để mua nhà; thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 07 tháng 12 năm 2009 đến ngày 07 tháng 12 năm 2016); lãi suất vay được áp dụng theo quy định của TPBank tại thời điểm giải ngân là 15%/năm; lãi suất điều chỉnh thay đổi 06 tháng/lần theo quy định của ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 07 tháng 12 năm 2009, TPBank đã giải ngân đủ số tiền vay cho anh H và chị Th. Điều chỉnh một số nội dung trong Hợp đồng tín dụng số 01251109RB/HP-TPB/DH.09 ngày 25 tháng 11 năm 2009, các bên đã lần lượt ký các phụ lục hợp đồng số 01 ngày 28 tháng 10 năm 2010, số 02 ngày 17 tháng 11 năm 2010, số 03 ngày 05 tháng 9 năm 2012, số 04 ngày 13 tháng 12 năm 2013.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng thửa đất số 1019A, tờ bản đồ số 07, diện tích 322m², tại địa chỉ: Khu dân cư LK 3, phường TC, quận HA, Hải Phòng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 048276; vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00161 do Ủy ban nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 cho ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01171110/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 17 tháng 11 năm 2010 mà các bên đã ký tại Văn phòng Công chứng Hải Phòng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H và chị Th đã thanh toán được: Tiền nợ gốc: 371.800.000 đồng; tiền nợ lãi: 426.946.536 đồng.

Từ ngày 13 tháng 12 năm 2013, anh H và chị Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phát sinh nợ quá hạn.

TPBank yêu cầu Tòa án giải quyết : Buộc anh H và chị Th phải thanh toán ngay cho TPBank toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 tổng số tiền: 3.657.134.305 (*Ba tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi tư nghìn ba trăm linh năm*) đồng; trong đó: Nợ

gốc là 828.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 400.332.110 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.428.602.195 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh (lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính trên dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

Trường hợp anh H, chị Th không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện không đầy đủ, TPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên phát mãi tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 322m² tại thửa số 1019A, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Khu dân cư LK 3, phường TC, quận HA, Hải Phòng; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 048276; vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00161 do Ủy ban nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006 cho ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1 để thu hồi nợ. TPBank có nghĩa vụ thanh toán cho ông T1, bà H1, anh T2 và chị H2 giá trị của tài sản trên đất.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của anh H, chị Th đối với TPBank. Nếu số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ cho TPBank thì anh H, chị Th vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TPBank.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01251109RB/HP-TPB/DH.09 ngày 25 tháng 11 năm 2009 với TPBank vay số tiền 1.200.000.000 (Một tỷ hai trăm triệu) đồng; mục đích vay để mua nhà. Anh H và chị Th đã nhận đủ số tiền giải ngân của TPBank vào ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Quá trình ký kết thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản bị đơn không có ý kiến gì. Bị đơn cũng xác nhận toàn bộ số nợ đối với TPBank theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên từ cuối năm 2013, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán với TPBank và để phát sinh nợ quá hạn nên đề nghị TPBank xem xét tạo điều kiện để bị đơn có thể trả dần số nợ gốc với mức trung bình 05 triệu đồng/tháng đến khi thanh toán hết nợ gốc và xin được miễn toàn bộ nợ lãi phát sinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1 có quan điểm: Ông bà có ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 01171110/HĐTC-BĐS/HP.10 ngày 17 tháng 11 năm 2010 với TPBank để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng anh H, chị Th.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 322m² tại thửa số 1019A, tờ bản đồ số 07 tại khu dân cư LK 3, phường TC, quận HA, thành phố Hải Phòng, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 048276; vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00161 do UBND quận HA, thành phố Hải Phòng cấp ngày

29 tháng 9 năm 2006 cho ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1. Do điều kiện khó khăn, anh H và chị Th không tiếp tục trả được nợ cho TPBank dẫn đến việc TPBank khởi kiện, ông bà yêu cầu anh H và chị Th có nghĩa vụ thu xếp nguồn tài chính để thanh toán nợ cho TPBank, giải chấp tài sản thế chấp về cho ông bà.

Đối với tài sản trên đất, tại thời điểm thế chấp, ông T1 và bà H1 không thể chấp tài sản trên đất. Năm 2012, cùng với sự đóng góp kinh tế của hai con (anh Trần Văn T2 và chị Trần Thị H2), ông bà xây dựng được căn nhà hai tầng trên một phần diện tích đất thế chấp và đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Hiện tại có 04 người trưởng thành đang thường xuyên ăn ở, sinh hoạt trên diện tích đất thế chấp gồm vợ chồng ông bà, anh Trần Văn T2, vợ anh T2; ngoài ra còn hai cháu nhỏ (con anh T2). Tuy nhiên, con dâu và hai cháu nhỏ không có đóng góp gì về đối với việc xây dựng và không liên quan đến việc thế chấp của ông bà.

- Chị Trần Thị H2 (con gái ông T1 và bà H1) có quan điểm thể hiện ở bản tự khai ngày 22 tháng 8 năm 2020 như sau: Khi TPBank khởi kiện đối với anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th chị mới được biết về việc ông T1, bà H1 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình cho TPBank để đảm bảo cho khoản vay của anh H và chị Th. Năm 2012, chị có đóng góp công sức cùng anh trai là Trần Văn T2 và bố mẹ xây dựng căn nhà 02 tầng trên một phần diện tích đất thế chấp. Chị đề nghị TPBank tạo điều kiện cho anh H, chị Th có điều kiện trả nợ còn những yêu cầu của TPBank liên quan đến vụ án chị không có ý kiến gì.

- Anh Trần Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có quan điểm thể hiện trong hồ sơ.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 165 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ các điều 122, 124, 343, 351, 355 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP TP.

1. Buộc anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP tổng số tiền còn nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 01251109RB/HP-TPB/DH.09 ngày 25/11/2009 tạm tính đến ngày 30/9/2020: 3.657.134.305 đ (Ba tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi tư nghìn ba trăm linh năm đồng); trong đó: Nợ gốc: 828.200.000 đ (Tám trăm hai mươi tám

triệu hai trăm nghìn đồng); Nợ lãi trong hạn: 400.332.110 đ (Bốn trăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn một trăm mười đồng); Nợ lãi quá hạn: 2.428.602.195 đ (Hai tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm linh hai nghìn một trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quy định của pháp luật cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên, thì Ngân hàng TMCP TP có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

Tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đối với diện tích đất 322m² tại thửa số 1019A, tờ bản đồ số 07 tại khu dân cư LK 3, phường TC, quận HA, Hải Phòng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 048276; vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00161 do UBND quận HA, Hải Phòng cấp ngày 29/9/2006 cho ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1.

Tài sản nêu trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01171110/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 17/11/2010 công chứng tại Văn phòng Công chứng Hải Phòng và được đăng ký thế chấp ngày 18/11/2010.

Ngân hàng TMCP TP có nghĩa vụ hoàn trả cho ông T1, bà H1, anh T2 và chị H2 giá trị của tài sản trên đất tương ứng với số tiền 813.100.000đ (Tám trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng).

Trường hợp phát mại tài sản, sau khi đã trừ số tiền trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nếu không đủ để thanh toán khoản vay thì anh H và chị Th tiếp tục trả cho đến khi hết nợ; nếu sau khi thanh toán hết khoản vay đối với Ngân hàng thì số tiền dư thừa được trả cho ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1.

Ngoài ra bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, án phí, lãi suất thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 02 năm 2021, anh Nguyễn Đức H đã có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng với các nội dung:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vắng mặt anh H là không đúng vì anh H không nhận được giấy báo mở phiên tòa của Tòa án.

- Trong hợp đồng tín dụng được ký kết giữa TPBank, anh H và chị Th đã ký với ông Khúc Ngọc Đ và ông Lê Đắc Ph nên đề nghị Tòa án triệu tập ông Khúc Ngọc Đ và ông Lê Đắc Ph đến phiên tòa chứ không phải là ông Đỗ Minh Ph và ông Hoàng Ngọc Ch.

- Anh H không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh H với TPBank, bởi lẽ: Ngoài khoản vay của vợ chồng anh tại TPBank thì anh H còn nhiều khoản vay khác cũng tại TPBank mà anh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ. Nay do điều kiện kinh tế của vợ chồng anh gặp khó khăn, khủng hoảng, vợ chồng anh đã phải bán hết tài sản để trang trải nhưng vẫn không đủ nên anh có quan điểm đề nghị TPBank cho vợ chồng anh được miễn, giảm toàn bộ khoản tiền lãi, còn số nợ gốc sẽ được trả dần cho TPBank.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày lời khai như trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn là anh H đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo của bị đơn về việc không nhận được giấy báo lịch phiên tòa, người đại diện tham gia phiên tòa của TPBank là ông Khúc Trọng Đông và ông Lê Đắc Ph, không chấp nhận việc phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay và được miễn giảm toàn bộ tiền lãi, số tiền gốc sẽ trả nợ dần là không có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: TPBank khởi kiện anh Nguyễn Đức H, chị Trần Thị Th về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại quận HA nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận HA thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đức H có nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Toà án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của TPBank vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Trần Thị Th, ông Trần Văn T1, bà Lê Thị H1, anh Trần Văn T2, chị Trần Thị H2 đều vắng mặt. Đây là phiên tòa mở lại lần thứ hai, các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt những người trên.

- Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Đức H:

[4] Về việc Tòa án nhân dân quận HA đã xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đức H: Trong hồ sơ vụ án thể hiện anh H có đến Toà án nhân dân quận HA trình bày quan điểm giải quyết vụ kiện; ngày 26 tháng 8 năm 2020, anh H có giao nộp cho Toà án nhân dân quận HA đơn đề nghị có nội dung trình bày: Do điều kiện công việc, anh H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân quận HA liên quan đến yêu cầu khởi kiện của TPBank. Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Toà án nhân dân quận HA đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ngày 15 tháng 9 năm 2020, Toà án nhân dân quận HA đã ban hành Quyết định hoãn phiên toà án định thời gian mở phiên tòa và đã niêm yết các quyết định theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H vắng mặt tại phiên toà sơ thẩm, Toà án nhân dân quận HA đã giải quyết, xét xử vắng mặt anh H là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh H.

[5] Anh H không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay của anh H với TPBank, bởi lẽ: Ngoài khoản vay của vợ chồng anh tại TPBank thì anh H còn nhiều khoản vay khác cũng tại TPBank mà anh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ. Nay do điều kiện kinh tế của vợ chồng anh gặp khó khăn, khủng hoảng, vợ chồng anh đã phải bán hết tài sản để trang trải nhưng vẫn không đủ nên anh có quan điểm đề nghị TPBank cho vợ chồng anh được

miễn, giảm toàn bộ khoản tiền lãi, còn số nợ gốc sẽ được trả dần cho TPBank; xét thấy:

[5.1] Tại thời điểm ký kết Hợp đồng tín dụng số 01251109RB/HP-TPB/DH.09 ngày 25 tháng 11 năm 2009, các phụ lục hợp đồng tín dụng, chủ thể tham gia ký kết có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, cùng thừa nhận, đủ thẩm quyền ký, hình thức, nội dung cũng như mục đích của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 17 của Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; các điều 122, 123, 124 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực đối với các bên.

[5.2] Sau khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ, giải ngân cho anh H, chị Th vay số tiền 1.200.000.000 (*Một tỷ hai trăm triệu*) đồng vào ngày 07 tháng 12 năm 2009, anh H chị Th đã xác nhận điều này. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng: Anh H, chị Th và TPBank cùng xác nhận tính đến ngày 13 tháng 12 năm 2013, anh H và chị Th đã thanh toán được: Số tiền nợ gốc: 371.800.000 đồng; tiền nợ lãi: 426.946.536 đồng và còn nợ tạm tính đến ngày 30 tháng 9 năm 2020 tổng số tiền: 3.657.134.305 (*Ba tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi tư nghìn ba trăm linh năm*) đồng; trong đó: nợ gốc là 828.200.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 400.332.110 đồng; nợ lãi quá hạn là 2.428.602.195 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên TPBank đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H, chị Th phải trả số nợ gốc, lãi như trên là có căn cứ.

[5.3] Về mức lãi suất: Hợp đồng tín dụng số 01251109RB/HP-TPB/DH.09 ngày 25 tháng 11 năm 2009 có thỏa thuận; lãi suất vay được áp dụng theo quy định của TPBank tại thời điểm giải ngân là 15%/năm; lãi suất điều chỉnh thay đổi 06 tháng/lần theo quy định của ngân hàng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Như vậy là phù hợp với Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005, Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước.

[5.4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Việc ký kết Hợp đồng thế chấp số 01171110/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 17 tháng 11 năm 2010 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Hải Phòng và được đăng ký thế chấp ngày 18 tháng 11 năm 2010 giữa ông ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1 với TPBank trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, thừa nhận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng đã được công chứng chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của tại các điều 323, 342, 343, 715, 716 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 130, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực đối với các bên, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đến hạn trả nợ, anh H chị

Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, việc TPBank khởi kiện yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp là có căn cứ nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh H. Những ý kiến khác của anh H trình bày không liên quan đến nội dung thoả thuận của hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét.

[6] Trong hợp đồng tín dụng được ký kết giữa TPBank, anh H và chị Th đã ký với ông Khúc Ngọc Đ và ông Lê Đắc Ph nên đề nghị Tòa án triệu tập ông Khúc Ngọc Đ và ông Lê Đắc Ph đến phiên tòa chứ không phải là ông Đỗ Minh Ph và ông Hoàng Ngọc Ch; xét thấy: Trong Điều lệ của TPBank có quy định: Người đại diện theo pháp luật của TPBank là Chủ tịch Hội đồng quản trị của TPBank. TPBank có trụ sở chính tại: Số 57 phố LTK, phường THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội; TPBank có các chi nhánh hoạt động giao dịch tại các tỉnh, thành phố trong cả nước trong đó có chi nhánh tại Hải Phòng. Tại thời điểm anh H chị Th ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp có ông Khúc Ngọc Đ và ông Lê Đắc Ph ký kết. Hai người này thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi Điều lệ của TPBank quy định. Tại thời điểm khởi kiện vụ án, Chủ tịch Hội đồng quản trị của TPBank là ông Đỗ Minh Phú. Ngày 18 tháng 7 năm 2016, ông Đỗ Minh Ph đã có Văn bản quyền số 08/2016/GUQ-TPB.HĐQT với nội dung ủy quyền cho ông Nguyễn Hữu Thanh; chức vụ Giám đốc khối Pháp chế và Xử lý nợ của TPBank tham gia tố tụng trong vụ án này, trong đó ông Nguyễn Hữu Th1 được phép ủy quyền lại cho người khác khi thực hiện các công việc được nêu trong nội dung ủy quyền và chịu trách nhiệm về việc ủy quyền lại. Ngày 21 tháng 02 năm 2017, ông Nguyễn Hữu Th1 đã có văn bản ủy quyền số 016/2017/GUQ-TPB.BĐH ủy quyền cho một số hoặc tất cả các ông Hoàng Ngọc Ch, Nguyễn Xuân Tr, Nguyễn Thanh T đều là chuyên viên của TPBank được tham gia tố tụng trong vụ án, ông Đ, ông Ph không được ủy quyền tham gia tố tụng. Việc ủy quyền tham gia tố tụng của TPBank là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh H.

[7] Ngoài nội dung kháng cáo của anh H, xét thấy: Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm có tuyên: “ ... Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quy định của pháp luật cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong. ”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định mức lãi suất chậm thi hành án riêng biệt đối với số

tiền nợ gốc và nợ lãi là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng. Việc tuyên lãi suất theo Bản án sơ thẩm dẫn đến quá trình thi hành án bị đơn phải trả lãi của khoản tiền lãi là lãi chồng lãi, chưa đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Do đó, cần sửa một phần tuyên lãi suất này, xác định bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và không tuyên “ *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối số tiền phải thi hành, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án (lãi trong hạn và lãi quá hạn) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.*”.

[8] Từ các nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức H, sửa một phần Bản án sơ thẩm có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo của anh H.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên anh Nguyễn Đức H kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 148, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 122, 124, 343, 351, 355, 474, 715, 716 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 298 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 130, Điều 188 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Đức H, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Đức H.

1. Buộc anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP TP số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2020 là: 3.657.134.305 (*Ba tỷ sáu trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi tư nghìn ba trăm linh năm*) đồng; trong đó: Nợ gốc: 828.200.000 (*Tám trăm hai mươi tám triệu hai trăm nghìn*) đồng; Nợ lãi trong hạn: 400.332.110 (*Bốn trăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn một trăm mười*) đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.428.602.195 (*Hai tỷ bốn trăm hai mươi tám triệu sáu trăm linh hai nghìn một trăm chín mươi lăm*) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01251109RB/HP-TPB/DH.09 ngày 25/11/2009.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên, Ngân hàng TMCP TP có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ khu dân cư LK 3, phường TC, quận HA, Hải Phòng, thửa số 1019A, tờ bản đồ số 07, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 048276; vào sổ cấp Giấy chứng nhận số H00161 do Ủy ban nhân dân quận HA, thành phố Hải Phòng cấp ngày 29/9/2006 cho ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1 theo Hợp đồng thế chấp số 01171110/HĐTC-BDS/HP.10 ngày 17 tháng 11 năm 2010, công chứng tại Văn phòng Văn phòng Công chứng Hải Phòng và được đăng ký thế chấp ngày 18/11/2010 mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ.

Sau khi phát mại số tiền thu được: Ngân hàng TMCP TP có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn T1, bà Lê Thị H1, anh Trần Văn T2, chị Trần Thị H2 phần giá trị tài sản trên đất tương ứng với số tiền 813.100.000đ (*Tám trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng*). Số tiền còn lại Ngân hàng TMCP TP được quyền xử lý để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi đã trừ số tiền phải thanh toán cho ông Trần Văn T1, bà Lê Thị H1, anh Trần Văn T2, chị Trần Thị H2, số tiền còn lại nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết nợ; nếu thừa thì số tiền dư thừa được trả cho ông Trần Văn T1 và bà Lê Thị H1.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th phải chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản là 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng. Số tiền này, anh Nguyễn Đức H, chị Trần Thị Th có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP.

4. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Đức H và chị Trần Thị Th phải chịu 105.142.686 (*Một trăm linh lăm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi sáu*) đồng. Trả lại Ngân hàng TMCP TP 45.000.000 (*Bốn mươi lăm triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu tiền số 0016622 ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự HA, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Trả lại anh Nguyễn Đức H số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo Biên lai thu tiền số 0018089 ngày 20 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự HA, thành phố Hải Phòng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận HA, TP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận HA, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Hải Hà